

Bản án số: 63/2019/HS-ST
Ngày: 28-11-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quý Bộ.
2. Ông Phạm Đức Lịch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 58/2019/TLST-HS ngày 15/11/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1993 tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị A; vợ, con: chưa có; Tiền sự: Không.

Tiền án:

- Bản án số 168/2011/HSST ngày 21/10/2011 của TAND thành phố Hải Dương xử phạt bị cáo H 27 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

- Bản án số 55/2013/HSST ngày 24/12/2013 của TAND huyện Thanh Hà xử phạt bị cáo H 5 năm tù về tội Trộm cắp tài sản.

Nhân thân:

- Ngày 02/10/2008 bị Công an thành phố Hải Dương xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, hình thức: phạt cảnh cáo (Quyết định số 314).

- Ngày 04/3/2009 bị Công an huyện Thanh Hà xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Trộm cắp tài sản, hình thức: phạt cảnh cáo (Quyết định số 32).

Bị tạm giam từ ngày 05/10/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt tại phiên tòa.

2. **Dương Thế D**, sinh năm 1990 tại thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi cư trú: thị trấn T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn R và bà Bùi Thị N; Vợ là chị Đinh Ngọc C (đã ly hôn); có 01 con; Tiền sự: Không.

Tiền án: Bản án số 10/2016/HSST ngày 26/4/2016 của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Bị tạm giam từ ngày 26/9/2019 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương; có mặt tại phiên tòa.

** Bị hại:*

- Anh Quàng Tùng L, sinh năm 1997; xin xử vắng mặt.

ĐKHKTT: thị trấn H1, huyện S, tỉnh Sơn La.

Hiện ở : Thôn K, xã C, huyện K1, Hải Dương.

- Chị Lò Thị L2, sinh năm 1999; xin xử vắng mặt.

ĐKHKTT: thị trấn O, huyện M, Sơn La.

Hiện ở : Thôn K, xã C, huyện K1, Hải Dương.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1983; nơi cư trú: xã Đ, TP D; tỉnh Hải Dương; xin xử vắng mặt.

** Người làm chứng:*

- Anh Lò Văn U, sinh năm 1975; nơi cư trú: thị trấn O, huyện M, Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn H và Dương Thế D có mối quan hệ xã hội quen biết nhau. Khoảng 12 giờ ngày 02/9/2019, H, D ngồi uống nước tại khu vực ngã tư Ngô Quyền, thành phố Hải Dương. Trong lúc ngồi uống nước D gọi điện thoại cho anh Quàng Tùng L, sinh năm 1997 (là bạn làm cùng công ty may Tinh Lợi) ở trọ tại xã C, huyện K1, rủ anh L xuống sông ở thôn ĐH, xã H2, huyện T câu cá. Anh L đồng ý. H nghe D rủ anh L đi câu cá nên đã hỏi D là anh L đi bằng phương tiện gì, D nói là đi bằng xe máy. H bảo D đi xuống huyện T, chỗ anh L câu cá nếu sơ hờ sẽ lấy xe máy của anh L đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân, D

đồng ý. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, H đi xe máy (xe mượn của anh Tùng là bạn H) chở D đến khu vực sông địa phận thôn ĐH, xã H2, huyện T. H, D phát hiện thấy 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen, biển số 26L1-046.46, trên xe có treo 02 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh và hồng dựng cách chỗ anh L, chị L2 cầu cá khoảng 20 mét, H bảo D đứng cạnh giới, H đi đến chỗ dựng xe máy mở khóa điện nhưng không mở được, lúc này D tìm được một đoạn dây dù màu xanh, dài khoảng 3 mét đưa cho H, H buộc một đầu dây vào đầu xe máy của anh L, đầu dây còn lại buộc vào giá phía sau xe máy của H. D điều khiển xe máy kéo theo xe máy của anh L do H điều khiển về nhà trọ của D ở khu dân cư Tiến Đạt, phường Ái Quốc, thành phố Hải Dương, D vứt 02 chiếc mũ bảo hiểm xuống sông trước cửa nhà trọ, H tháo 02 chiếc gương chiếu hậu và biển số xe máy vứt xuống sông rồi đầu dây điện, nổ máy và điều khiển xe máy đến nhà chị Hoàng Thị Q, sinh năm 1983 ở xã Đ, TP D hỏi vay 2.500.000 đồng và để lại chiếc xe máy làm tin. H chia cho D 1.200.000 đồng. Anh L phát hiện tài sản bị mất đã làm đơn trình báo Công an. Tại giai đoạn điều tra, H tự nguyện giao nộp số tiền 500.000 đồng; D tự nguyện giao nộp số tiền 200.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/KL-HĐGTS ngày 09/9/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự UBND huyện T kết luận: trị giá xe máy hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen, biển số 26L1-046.46 và 02 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh và hồng là 11.830.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 57/CT-VKS ngày 15/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Nguyễn Văn H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Dương Thế D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản như cáo trạng đã mô tả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Dương Thế D phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 357, Điều 468, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn H; xử phạt bị cáo H từ 27-30 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 357, Điều 468, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Dương Thế D; xử phạt bị cáo Dương Thế D từ 12-15 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Dương Thế D phải liên đới bồi thường cho anh Quảng Tùng L và chị Lò Thị L2 số tiền 11.830.000đ. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị hại 01 chiếc gương chiếu hậu, cần gương và gáo gương bằng kim loại và nhựa màu đen. Trả lại cho bị cáo H số tiền 500.000 đồng nhưng bảo thủ để đảm bảo thi hành án. Trả lại cho bị cáo D số tiền 200.000đ nhưng bảo thủ để đảm bảo thi hành án. Về hình phạt bổ sung: không áp dụng đối với các bị cáo. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Hà, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của chính các bị cáo tại cơ quan điều tra, với biên bản định giá tài sản, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/9/2019, tại khu vực sông địa phận thôn ĐH, xã H2, huyện T, Nguyễn Văn H và Dương Thế D đã lợi dụng sơ hở, lết lút chiếm đoạt 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave RSX màu sơn vàng đen, biển số 26L1-046.46 và 02 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh và hồng của chị Lò Thị L2 và anh Quảng Tùng L, tổng trị giá tài sản các bị cáo chiếm đoạt là 11.830.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo Điều 173 Bộ luật Hình sự, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này là 11.830.000đ nên bị cáo D chỉ phạm tội theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Còn bị cáo H do lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp "Tái phạm nguy hiểm" nên bị cáo H phải chịu tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Mặt khác, cả hai bị cáo đều có tiền án; ngoài tiền án bị cáo H còn có nhân thân xấu do đã nhiều lần bị xử phạt hành chính. Đánh giá mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, xem xét yếu tố nhân thân, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa.

[4] Đây là vụ án đồng phạm, trong đó H là người đề xuất, sau đó lại trực tiếp tham gia trộm cắp tài sản, là người trực tiếp xử lý tài sản sau khi trộm cắp được nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo D sau khi được H đề xuất cũng đồng ý ngay, cảnh giới để H trộm cắp tài sản của anh L và chị L2, sau đó cùng với H tích cực dịch chuyển xe máy về nhà trọ của D nên giữ vai trò thứ hai trong vụ án.

[5] Tình tiết tăng nặng: Bị cáo H không phải chịu tình tiết tăng nặng nào. Đối với bị cáo D, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2016/HSST ngày 26/4/2016 của TAND huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội đã xử phạt D 30 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 194 BLHS, tính đến ngày 02/9/2019 D chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội mới do lỗi cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng "tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo H bị truy tố theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự nhưng tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá dưới 50 triệu đồng là gây thiệt hại không lớn nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đề nghị các bị cáo phải liên đới bồi thường giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt=11.830.000đ. Xét thấy yêu cầu của bị hại là hoàn toàn chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[9] Về vật chứng: 01 chiếc gương chiếu hậu, cần gương và gáo gương bằng kim loại và nhựa màu đen, xét thấy đây là những tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của bị hại nên cần trả lại cho bị hại.

01 chiếc gương chiếu hậu, xe máy và biển số xe máy 26L1-046.46, 02 chiếc mũ bảo hiểm màu xanh và màu hồng, 01 đoạn dây dù màu xanh, Cơ quan điều tra đã tìm kiếm nhưng không thu giữ được nên không đặt ra vấn đề xem xét xử lý trong vụ án này.

Đối với số tiền 500.000đồng mà H tự nguyện giao nộp tại giai đoạn điều tra, và số tiền 200.000đ do D tự nguyện giao nộp tại cơ quan điều tra; xét số tiền này có nguồn gốc từ việc bị cáo H vay tiền của chị Quỳnh để tiêu sài, do Tòa án đã tuyên buộc các bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, nên trả lại cho các bị cáo số tiền này. Tuy nhiên vì các bị cáo còn phải thi hành khoản bồi thường nên cần tuyên bảo thủ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

[10] Đối với chị Hoàng Thị Q không biết tài sản do Nguyễn Văn H và Dương Thế D phạm tội mà có nên không phải chịu trách nhiệm. Việc H vay tiền của chị Quỳnh và để lại xe máy làm tin, cũng như việc chị Q chưa tìm được chiếc xe để giao lại xe cho H, do đây là giao dịch dân sự giữa H và chị Q nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này. Nếu các bên có tranh chấp thì có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

[11] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 357, Điều 468, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Văn H.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 357, Điều 468, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự. Khoản 2 Điều 106, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14

ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Dương Thế D.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Dương Thế D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt:

- Bị cáo Nguyễn Văn H 25 (hai mươi lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 05/10/2019

- Bị cáo Dương Thế D 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/9/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo Nguyễn Văn H, Dương Thế D phải liên đới bồi thường cho anh Quàng Tùng L và chị Lò Thị L2 số tiền 11.830.000đ. Chia kỷ phần, bị cáo Nguyễn Văn H phải bồi thường 5.915.000đ, bị cáo Dương Thế D phải bồi thường 5.915.000đ.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền bồi thường nêu trên, nếu người phải thi hành chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành được xác định theo Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho anh Quàng Tùng L và chị Lò Thị L2 01 chiếc gương chiếu hậu, cần gương và gáo gương bằng kim loại và nhựa màu đen.

Trả lại cho bị cáo H số tiền 500.000 đồng nhưng bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho bị cáo D số tiền 200.000đ nhưng bảo thủ để đảm bảo thi hành án.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Hà và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà).

5. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn H, Dương Thế D mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Hà;
- Công an huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Vũ Thị Nhung